

Số: 2950 /QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 20 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 381/TTr-STNMT-VP ngày 30/9/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, LH, ĐL. 14

**CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Tấn Tuấn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực đất đai</b>					
1.	<p>Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>Mã số TTHC: 1.002253 (TTHC được công bố tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày</p>	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.	<p>Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ;</p> <p>Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)				<p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.</p>
2.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo,	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử	<p>Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>Mã số TTHC: 1.002040</p> <p>(TTHC được công bố tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>			<p>dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ;</p> <p>Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.</p>
3.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài	Theo mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND	<p>Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>Mã số TTHC: 1.003010</p> <p>(TTHC được công bố tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>		nguyên và Môi trường	ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.	<p>15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ;</p> <p>Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
					và Môi trường; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
4.	<p>Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức</p> <p>Mã số TTHC: 1.004257 (TTHC được công bố tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>	<p>Trường hợp chuyển mục đích nguyên thửa là 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(Trong đó, thời gian thực hiện thủ tục chuyển mục đích là 15 ngày, chỉnh lý sau Giấy chứng nhận hoặc cấp đổi giấy chứng nhận là 10 ngày)</p> <p>Trường hợp chuyển mục đích một phần thửa là 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. (Trong đó, thời gian thực hiện thủ tục chuyển mục đích là 15 ngày, tách thửa, chỉnh lý sau Giấy</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.	<p>Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ;</p> <p>Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chứng nhận hoặc cấp đổi giấy chứng nhận là 17 ngày)			Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ghi chú:

- Dữ liệu thủ tục hành chính được đăng tải công khai tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).

- Mức thu phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

STT	NỘI DUNG	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)	Mức thu lệ phí (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất làm nhà ở; công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền		
	Đất nội thành, nội thị, thị trấn	600.000	25.000
	Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng	400.000	10.000
	Đất thuộc các xã khu vực miền núi	200.000	10.000

2	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh		
a)	Đất được giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông - lâm - thủy sản		
	Diện tích đất dưới 2.000 m <sup>2</sup>	400.000	100.000
	Diện tích đất từ 2.000 m <sup>2</sup> đến dưới 5.000 m <sup>2</sup>	600.000	100.000
	Diện tích đất từ 5.000 m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup>	800.000	100.000
	Diện tích đất từ 10.000 m <sup>2</sup> đến dưới 15.000 m <sup>2</sup>	1.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 15.000 m <sup>2</sup> trở lên	1.200.000	100.000
b)	Đất được giao, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ và đất được giao cho dự án phát triển nhà ở		
	Diện tích đất dưới 2.000 m <sup>2</sup>	1.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 2.000 m <sup>2</sup> đến dưới 5.000 m <sup>2</sup>	2.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 5.000 m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup>	3.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 10.000 m <sup>2</sup> đến dưới 15.000 m <sup>2</sup>	4.000.000	100.000
	Diện tích đất từ 15.000 m <sup>2</sup> trở lên	5.000.000	100.000
3	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích khác ngoài hai nhóm 1 và 2 nêu trên	500.000	100.000
4	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất		
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân		

	Khu vực các phường	600.000	100.000
	Khu vực khác	600.000	50.000
b)	Đối với tổ chức	600.000	500.000
5	Cấp đổi, cấp lại, cấp mới do biến động, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận		
a)	Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)		
	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
	- Khu vực các phường	100.000	20.000
	- Khu vực khác	100.000	15.000
	Đối với tổ chức	200.000	50.000
b)	Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
	- Khu vực các phường	200.000	40.000
	- Khu vực khác	100.000	25.000
	Đối với tổ chức	300.000	50.000